TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 09 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 3 - 2020
V/v: Ly hôn giữa chị D và anh H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Lan

Các hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và ông Phan Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Công Khuông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình ghi biên bản phiên tòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy: Bà Phạm Thị Thanh Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2020, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 320/2019/TLST – HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐST- HNGĐ ngày 31/01/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18/02/2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1993 – *Có mặt*

Nơi cư trú: thôn Ch, xã TC, huyện TT, tỉnh Thái Bình

2. Bị đơn: Anh Phạm Nguyên H, sinh năm 1992 –*Vắng mặt*

Nơi cư trú: thôn H, xã TN, huyện TT, tỉnh Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các đơn gửi Tòa án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh H có quan hệ tình cảm từ năm 2011, do chưa đủ điều kiện đăng ký kết hôn nên hai bên gia đình chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán cho anh chị. Sau khi cưới, chị về chung sống tại gia đình anh H và sinh con Phạm Nguyễn Anh D vào ngày 26/11/2011. Ngày 25/05/2015 chị và anh H kết hôn theo quy định của pháp luật và đã được UBND xã TN chứng nhận kết hôn. Từ cuối năm 2015 giữa chị và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng thường xảy ra cãi chửi. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Từ năm 2016 chị và anh H ly thân. Nay chị xác định giữa chị và anh H không đoàn tụ được, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh H.

Về việc nuôi dưỡng con chung: Chị và anh H có một con chung là Phạm Nguyễn Anh D, sinh ngày 26/11/2011. Trong đơn khởi kiện, chị đề nghị anh H trực tiếp nuôi dưỡng con chị cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Hoàn 1.000.000 đồng/ tháng đến khi con chung thành niên, nay do anh H vắng mặt nên tại phiên tòa chị đề nghị trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về việc phân chia tài sản chung, nợ chung: Chị và anh H không có tài sản chung, không nợ ai. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản.

- Anh Phạm Nguyên H vắng mặt nên không thu thập được chứng cứ do anh H cung cấp, không hòa giải vụ án và phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đều đúng quy định. Về nội dung vụ án: Đại diện viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị D ly hôn anh H; Về con chung: Đề nghị áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cho chị D trực nuôi con chung, chấp nhận việc chị D không yêu cầu anh Hoàn cấp dưỡng; Về việc chia tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết. Chị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*:

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh TB theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không rõ lý do lần thứ hai nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2]. *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Ngọc D và anh Phạm Nguyên H kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TN, huyện TT, tỉnh Thái Bình vào ngày 25/05/2015 - là hôn nhân hợp pháp. Do tính tình không hợp nên cuộc sống chung giữa hai anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xác minh tại Ủy ban nhân dân xã TN và ý kiến của ông Phạm Xuân V là bố đẻ anh H đều thể hiện tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh H đúng như lời trình bày của chị D. Xác định giữa chị D và anh H không có giải pháp đoàn tụ, đã từ lâu không có cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị D ly hôn anh H.

[3]. *Về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung:* Anh H vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên để đảm bảo cho việc chăm sóc, giáo dục con chung giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Nguyễn Anh D, sinh ngày 26/11/2011 đến khi con chung đủ 18 tuổi, chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên chấp nhận. Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[4]. *Về phân chia tài sản chung, nợ chung*: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết về phần tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí:

1. Về hôn nhân:

Xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc D ly hôn anh Phạm Nguyên H.

2.Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Nguyễn Anh D, sinh ngày 26/11/2011 đến khi con đủ 18 tuổi, chấp nhận việc chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn được đặt ra giải quyết khi các đương sự có yêu cầu.

3. Về việc phân chia tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc D phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002042 ngày 29/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy. Chị Nguyễn Thị Ngọc D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo:

Chị D có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đặt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *UBND xã TN;*
- *TAND tỉnh TB;*
- *VKSND tỉnh TB*
- *VKSND huyện TT;*
- *Thi hành án dân sự huyện TT;*
- *Lưu hồ sơ*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Hương Lan